

Bản án số: 48/2026/HS-ST
Ngày 14 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Mỹ Huyền

Bà Huỳnh Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Khôi Nguyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 45/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Thị Mai T, sinh ngày 09/4/2001, tại tỉnh Đồng Tháp, số căn cước: 087301xxxxxx

Nơi cư trú: đường T, khóm A, phường H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thúc K và bà Nguyễn Ngọc T1; chồng: không có và có 04 con (sinh các năm 2015, 2022, 2024, 2025). Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/01/2026 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Phạm Thị Tuyết B, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Vinh P, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số F, đường T, phường L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 55 phút ngày 26/6/2025, bị cáo Huỳnh Thị Mai T đang mang thai khoảng 32 tuần tuổi, không có việc làm tạo thu nhập đã đi bộ xung quanh khu vực siêu thị C thuộc phường L, tỉnh Vĩnh Long để tìm người xin tiền. Khi đến khu vực trước quán C1, địa chỉ: số B, đường C, phường L, tỉnh Vĩnh Long, T nhìn thấy trong hộc đựng đồ bên trái phía trước của xe mô tô hiệu Vario biển số 64G1-314.95 của Phạm Thị Tuyết B là nhân viên của quán C1 có 01 bóp da màu đen, có khóa kéo một đầu, trên bóp có dòng chữ Lesacn. Bị cáo nghĩ bên trong bóp có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trầm quan sát thấy có một người nam đang ngồi uống nước gần đó và nghĩ người này là chủ xe mô tô nên bị cáo đi đến vị trí xe mô tô đang đậu và ngồi lên xe để xem phản ứng của người nam này. Trầm quan sát thấy người này vẫn không có phản ứng và xung quanh không có người nên đã lén lút lấy bóp da cất giấu vào túi bên trong áo khoác đang mặc rồi đi về hướng chợ V. Sau khi đi được một đoạn đường, T mở bóp ra kiểm tra thì thấy bên trong bóp có số tiền 1.704.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,23 chỉ và một số giấy tờ gồm: 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe số 861198xxxxxx hạng A1, 01 thẻ sinh viên tên Phạm Thị Tuyết B; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64G1-314.95; 01 giấy bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy biển số 64G1-314.95 mang tên Phạm Hoài L; 01 thẻ ngân hàng S; 01 thẻ ngân hàng V1.

Bị cáo T đã mang sợi dây chuyền vừa trộm được đến tiệm V2, địa chỉ: số B, đường C, phường L, tỉnh Vĩnh Long bán. Tại tiệm vàng, T đưa sợi dây chuyền vàng và thẻ căn cước công dân của mình cho bà Hồ Khánh T2 là nhân viên tiệm vàng kiểm tra. Ông T2 ghi phiếu thanh toán rồi chuyển cho ông Nguyễn Vinh P là chủ tiệm vàng. Khi nhận được phiếu thanh toán, ông P giao ông T2 số tiền 8.432.000 đồng để thanh toán bị cáo T. Trầm kiểm tra và nhận đủ tiền, sau đó lén vứt bỏ các giấy tờ tùy thân bên trong bóp da ở kệ bình chữa cháy tại tiệm V2 rồi rời đi. Cùng ngày, ông P đưa sợi dây chuyền mua của T cho thợ nấu chảy để gia công sản phẩm khác.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị hại B đi tìm bóp của mình thì nhớ lại đã để quên trên xe nên đi ra xe tìm thì bóp da đã mất. Qua kiểm tra camera tại quán C1, B phát hiện bị cáo T trộm cắp tài sản của mình nên đi tìm xung quanh nhưng không gặp. Đến ngày 28/6/2025, bị hại B phát hiện bị cáo T đang ở khu vực siêu thị V, phường P, tỉnh Vĩnh Long nên trình báo Công an phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Công an phường L, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ hình ảnh trích xuất camera, Công an xác định T là người trộm cắp tài sản của B nên mời làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu ở trên. Trầm xác định đã sử dụng số tiền 1.704.000 đồng trong bóp của B và số tiền 8.432.000 đồng có được từ việc bán sợi dây chuyền vàng mua đồ chuẩn bị sinh con và tiêu xài hết, còn bóp da thì T mang theo trên người để sử dụng.

Ngày 20/8/2025, T đến Bệnh viện Đ sinh con là 01 bé gái. Sau đó, T đẻ bé gái là con mà T vừa sinh tại Chùa L1, địa chỉ: khóm H, phường T, tỉnh Vĩnh Long rồi rời bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 14/01/2026, T bị bắt theo Quyết định truy nã số 7914 ngày 18/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

Tại Kết luận định giá tài sản số 390/KL-HĐĐTTS ngày 08/10/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự (theo Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh V) kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,23 chỉ có giá trị 9.261.900 đồng; 01 bóp da màu đen có khóa kéo một đầu, trên bóp có dòng chữ Lesacn có giá trị 120.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị Tuyết B yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Mai T bồi thường tổng số tiền 11.085.900 đồng. Bị cáo đồng ý theo yêu cầu của bị hại nhưng vẫn chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-KV1 ngày 08/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long truy tố bị cáo Huỳnh Thị Mai T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Thị Mai T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia xét xử trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Mai T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Huỳnh Thị Mai T. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mai T tù 06 tháng - 09 tháng tù. Bị cáo không nghề nghiệp, không tài sản nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường bị hại Phạm Thị Tuyết B số tiền là 11.085.900 đồng. Xử lý vật chứng: Không có, do Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong. Về án phí: Buộc bị cáo T nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 554.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Thị Mai T không tham gia tranh luận và trình bày lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội của địa phương. Cụ thể, vì cần tiền tiêu xài, khoảng 08 giờ 55 phút ngày 26/6/2025, tại khu vực trước quán C2, địa chỉ: số B, đường C, phường L, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo T đã lén lút trộm cắp 01 bóp da màu đen của bị hại Phạm Thị Tuyết B có khóa kéo một đầu, trên bóp có dòng chữ Lesacn qua định giá có giá trị 120.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,23 chỉ, qua định giá có giá trị 9.261.900 đồng và số tiền Việt Nam đang lưu hành 1.704.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T trộm cắp 11.085.900 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý kết luận định giá tài sản trộm cắp như trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Cáo trạng truy tố bị cáo Huỳnh Thị Mai T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là phụ nữ có thai, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như đã nhận định, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân để trở thành người có ích, tuân theo pháp luật cùng các quy tắc của cuộc sống và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo không nghề nghiệp, không tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị Tuyết B yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng số tiền 11.085.900 đồng do tài sản trộm cắp không thu hồi được là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường bị hại số tiền trên.

[5] Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả bị hại Phạm Thị Tuyết B 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Tuyết B, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64G1-314.95, 01 giấy bảo hiểm tự nguyện xe mô tô biển số 64G1-314.95 mang tên Phạm Hoài L, 01 giấy phép lái xe số 861198xxxxxx hạng A1, 02 thẻ ngân hàng S, V1, 01 thẻ sinh viên tên Phạm Thị Tuyết B, 01 bóp da màu đen đã qua sử dụng có dòng chữ Lesacn, nên vật chứng đã xử lý xong, Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Thị Mai T nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 554.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Huỳnh Thị Mai T.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Mai T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mai T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Huỳnh Thị Mai T được tính từ ngày 14/01/2026.

3. Trách nhiệm dân sự

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Mai T bồi thường bị hại Phạm Thị Tuyết B số tiền 11.085.900 đồng (mười một triệu không trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Thị Mai T nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 554.000 đồng (năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo Huỳnh Thị Mai T, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh VL: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Cơ quan thi hành án hình sự: 1;
- Phòng Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường H, tỉnh Đồng Tháp: 1;
- Bị cáo: 1;
- Bị hại: 1;
- Đương sự khác: 1;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

